TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Trí tuệ nhân tạo**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Kỹ sư**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **152**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 7 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 7, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TH70105	Cơ sở lập trình	3	60	30	30
TH70103	Tin học đại cương	2	60	0	60
TN70001	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**19**			
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
CB70101	Triết học Mác - Lênnin	3	45	45	0
CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
PM70208	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	45	15	30
PM70202	Kỹ thuật lập trình	3	60	30	30
TN70002	Kiến trúc máy tính	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
TH71101	Hệ điều hành	2	45	15	30
TN71002	Nhập môn điện tử	2	45	15	30
TN71019	Đạo đức trong AI	2	30	30	0
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0

CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70106	Mạng máy tính	3	60	30	30
TN70003	Lập trình Python	3	60	30	30
TN70023	Cấu trúc rời rạc	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường & phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 5)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn trong công nghiệp	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
PM70203	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
TN70006	Lập trình nâng cao dựa trên dự án	2	45	15	30
TN70004	Toán học cho AI	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71412	Bóng đá (*)	2	30	0	30
CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền (*)	2	30	0	30

CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông (*)	2	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và âm nhạc dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**3**			
TN71003	Nhập môn mạch số	3	60	30	30
TH71103	Nhập môn Khoa học dữ liệu	3	60	30	30
TN71004	Biểu diễn Tri thức và Suy luận	3	45	45	0
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70309	Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo	2	30	30	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
TH70107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30
TN70005	Phương pháp phân tích dữ liệu cơ b	3	60	30	30
TN70007	Trí tuệ nhân tạo	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
TN71005	Lý thuyết đồ thị	2	30	30	0
TN71006	Xác suất thống kê cho AI	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**1**			
CB71413	Fitness (*)	1	30	0	30
CB71406	Dancesport (*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ (*)	1	30	0	30

CB71414	Võ thuật (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
PM70205	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30
TH70109	Phân tích và thiết kế hệ thống thông	3	60	30	30
TN70009	Phân tích trực quan	3	60	30	30
TN70010	Dữ liệu lớn	3	60	30	30
TH71111	Thị giác máy tính	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		**3**			
TN71007	Học máy - kỹ thuật giám sát	3	60	30	30
TN71008	Học máy - kỹ thuật không giám sát	3	60	30	30
TN71009	Robot học	3	60	30	30
TN71010	Máy học và nhận dạng hình dạng	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
TH71113	Quản lý dự án CNTT	3	45	45	0
TH71110	Học sâu	3	60	30	30
TN70012	Chuyên đề Trí tuệ nhân tạo trong cá	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		**12**			
PM70210	An toàn và bảo mật thông tin	3	60	30	30
TN71011	Mạng neuron học sâu	3	60	30	30
TN71012	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	30	30
TN71013	Học tăng cường	3	60	30	30
TN71014	Xử lý tín hiệu số	3	60	30	30
TN71015	Hệ chuyên gia	3	60	30	30
TN71016	Lập trình symbolic cho AI	3	60	30	30

TN71017	Logic mờ và ứng dụng trong AI	3	60	30	30
HỌC KỲ 8: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***8***			
TN70013	Thực tập tốt nghiệp	8	120	120	0
Khóa luận tốt nghiệp		***10***			
TN71020	Khóa luận tốt nghiệp	10	150	150	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***10***			
TN71021	Học máy với dữ liệu lớn	4	75	45	30
TN71022	Phân tích dữ liệu tính toán	3	60	30	30
TN71018	Trí tuệ nhân tạo tạo sinh	3	60	30	30